

Kinh Môn, ngày 28 tháng 10 năm 2024

**DỰ TOÁN CÁC KHOẢN THU - CHI (THU HỘ - CHI HỘ)
NĂM HỌC: 2024 – 2025**

Căn cứ nghị định số 81/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

- Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 về việc quy định mức thu học phí và danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các trường mầm non, giáo dục phổ thông và các cơ sở giáo dục đào tạo công lập khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Căn cứ Hướng dẫn số 1569/SGDĐT-KHTC ngày 08/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương về việc thu học phí và các khoản thu dịch vụ trong nhà trường năm học 2023-2024; Công văn 510/PGDĐT ngày 12/9/2023 của phòng GD&ĐT về việc thực hiện các khoản thu, chi trong nhà trường năm học 2023-2024;

Căn cứ hướng dẫn số 538/SGDĐT-KHTC về việc hướng dẫn thu, chi tiền học 2 buổi/ngày ở tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ ban đại diện cha mẹ học sinh.

Căn cứ vào nhu cầu thực tế cần thiết trong công tác tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ (bán trú) của nhà trường.

Trường Tiểu học Thái Thịnh dự toán các khoản thu-chi (Thu hộ-chi hộ) năm học 2024-2025 như sau.

I. Mục đích yêu cầu:

1. Mục đích:

- Đảm bảo yêu cầu đầy đủ về cơ sở vật chất trang thiết bị dạy học đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho trẻ học tập.
- Đảm bảo vệ sinh sạch sẽ, các nhu cầu ăn nghỉ bán trú tại trường.

2. Yêu cầu:

- Các bậc phụ huynh có con em mình đang học tại trường phối kết hợp với nhà trường theo biên bản đã thỏa thuận để mua sắm đồ dùng học tập, đồ dùng bán trú cho học sinh nhằm đảm bảo mọi điều kiện tốt nhất phục vụ cho học sinh năm học 2024 -2025.

II. Dự kiến dự toán cụ thể:

A - DỰ DƯ TOÁN THU

1. Các khoản thu hộ - chi hộ

Căn cứ vào nhu cầu thực tế của trẻ trong năm học 2024 - 2025.



Nhà trường xây dựng dự kiến thu-chi dựa trên cơ sở lấy thu bù chi không mang tính chất kinh doanh có công khai với phụ huynh học sinh trên các bảng thông báo của nhà trường về thực đơn ăn hằng ngày, số lượng thực phẩm cung cấp, số trẻ ăn bán trú trong ngày, giao nhận thực phẩm đúng quy trình đảm bảo công khai minh bạch.

Số tiền ăn bán trú của học sinh được quyết toán theo từng ngày ăn theo tháng, nếu học sinh nghỉ ở nhà, đối chiếu trả lại gia đình số tiền ăn trong ngày đó, thu chi tiền bán trú được quyết toán công khai theo từng tháng.

Mỗi tháng phụ huynh kiểm tra 1- 2 lần có biên bản xác nhận

Các khoản thu góp đều được quản lý đúng quy định.

1.1. Tiền mua sắm dụng cụ, đồ dùng cá nhân cho học sinh ăn bán trú lần đầu (từ thời điểm ăn bán trú đến hết khóa học).

- Mức thu:

+ Những học sinh đi học đã nộp đủ 200.000 đồng từ những năm học trước thì năm học này không phải đóng khoản tiền này

+ Những học sinh bắt đầu ăn bán trú lần đầu thì thu 150.000 đồng cho đến hết khóa học.

- Mức thu dự toán: (Đơn vị tính: đồng)

Khối lớp	Mức thu/đợt/quá trình	Sĩ số	Thành tiền
1	150.000	134	20.100.000
	Tổng	134	20.100.000

- Thời gian thu: tháng 9, những học sinh đến lớp sau sẽ thu bổ sung.

1.2. Tiền ăn bán trú: (Gồm một bữa chính)

- Mức thu dự toán: (Đơn vị tính: đồng)

Khối lớp	Mức thu 1 buổi ăn/HS	Số buổi/tháng	Số tháng	Sĩ số	Thành tiền
Học sinh đăng ký ăn bán trú	23.000	22	9	450	2.049.300.000
	Cộng			450	2.049.300.000

- Thời gian thu: Từ ngày 5 đến ngày 14 của tháng sau

1.3. Tiền chăm sóc phục vụ bán trú bao gồm: Phí dịch vụ, giáo viên trông trưa, quản lý.

- Mức thu dự toán: 100.000 đồng/học sinh/tháng. (Thu theo tháng, tính bình quân 01 tháng 22 ngày)- (Đơn vị tính: đồng)

Lớp	Mức thu/ tháng/HS	Số tháng	Sĩ số	Thành tiền
Học sinh đăng ký ăn bán trú	100.000	9	450	405.000.000
	Cộng		450	405.000.000

- Thời gian thu: Từ ngày 5 đến ngày 14 của tháng sau

1.4. Tiền Phụ phí bao gồm điện, nước, nước lau sàn, giấy vệ sinh, giấy lau phục vụ bán trú. Không vượt mức quy định tại nghị quyết số 08/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương ngày 08/12/2022 .

- Mức thu dự toán: (Đơn vị tính: đồng)

Lớp	Mức thu/ tháng/HS	Số tháng	Sĩ số	Thành tiền
Học sinh đăng ký ăn bán trú	20.000	9	450	81.000.000
Cộng			450	81.000.000

- Thời gian thu: + Đợt I: từ tháng 10 đến tháng 12 (thu vào tháng 10)
+ Đợt II: từ tháng 01 đến hết tháng 05 (thu vào tháng 02)
+ Những học sinh đến sau sẽ thu bổ sung

- Mức chi điện, nước, nước lau sàn, giấy vệ sinh, giấy lau... phục vụ bán trú: theo thực tế phát sinh hàng tháng.

1.5. Tiền vệ sinh trường, lớp, nhà vệ sinh.

(Bao gồm tiền lao công, dụng cụ vệ sinh, giấy vệ sinh, nước tẩy rửa, lau sàn).

- Mức thu dự toán: (Đơn vị tính: đồng)

Khối lớp	Mức thu/ tháng/HS	Số tháng	Sĩ số	Thành tiền
Học sinh toàn trường	15.000	9	686	92.610.000
Cộng			690	92.610.000

- Thời gian thu: + Đợt I: từ tháng 9 đến tháng 12 (thu vào tháng 10)
+ Đợt II: từ tháng 01 đến hết tháng 05 (thu vào tháng 02)
+ Những học sinh đến sau sẽ thu bổ sung

(Có kế hoạch cụ thể theo thực tế sử dụng, hóa đơn và quyết toán vào cuối năm học).

1.6. Tiền nước uống cho học sinh (Nước tinh khiết RO):

- Mức thu dự kiến: (Đơn vị tính: đồng)

Khối lớp	Mức thu/ tháng/HS	Số tháng	Sĩ số	Thành tiền
Học sinh toàn trường	7.000	9	686	43.218.000
Cộng			686	43.218.000

- Thời gian thu: + Đợt I: từ tháng 09 đến tháng 12 (thu vào tháng 10)
+ Đợt II: từ tháng 01 đến hết tháng 05 (thu vào tháng 02)
+ Những học sinh đến sau sẽ thu bổ sung

1.7. Tiền bảo hiểm thân thể:

Thực hiện công văn số 402/BVHD-PS2 ngày 01/8/2024 của Bảo Việt Hải Dương về triển khai bảo hiểm ngành giáo dục năm học 2024-2025;

Mức thu: 200.000d/HS/năm (học sinh có nhu cầu).

1.8. Tiền Bảo hiểm y tế:

Thực hiện Kế hoạch số 150/KH-UBND ngày 06/8/2024 của UBND thị xã Kinh Môn về triển khai thực hiện Bảo hiểm y tế học sinh năm học 2024-2025; Công văn số 528/BHXH-BHYTHS ngày 08/8/2024 của BHXH thị xã Kinh Môn hướng dẫn thực hiện BHYT học sinh năm học 2024-2025.

Mức thu: 73.710 đồng/học sinh/tháng (100% học sinh toàn trường).

1.9. Tiền phí trông giữ xe:

Thực hiện theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 27/3/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

Mức thu: 10.000 đồng/học sinh/tháng (HS tham gia đi xe đạp đến trường).

1.10. Tiền học 2 buổi/ngày:

Thực hiện theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh Hải Dương; Công văn số 538/SGDĐT-KHTC ngày 16/5/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương. Mức thu không quá 5000 đồng/học sinh/tiết (100% học sinh toàn trường thu sau khi được PGDĐT phê duyệt).

2. Tổng hợp dự kiến thu các khoản thu hộ-chi hộ năm học 2024-2025:

STT	Danh mục thu	Số tiền (đồng)
1	Tiền mua sắm dụng cụ và đồ dùng cá nhân cho học sinh ăn bán trú lần đầu	20.100.000
2	Tiền ăn bán trú	2.049.300.000
3	Tiền chăm sóc phục vụ bán trú bao gồm: Trả công người nấu ăn, GV trông trưa, quản lý	567.000.000
4	Tiền Phụ phí bao gồm: điện, nước phục vụ bán trú, nước rửa bát, nước lau sàn...	81.000.000
5	Tiền vệ sinh trường, lớp, nhà vệ sinh	92.610.000
6	Tiền nước uống cho học sinh (Nước tinh khiết RO)	43.218.000
7	Tiền bảo hiểm thân thể (theo thực tế HS tham gia)	0
8	Tiền Bảo hiểm y tế (theo thực tế HS tham gia)	0
9	Tiền phí trông giữ xe (theo thực tế HS tham gia)	0
10	Tiền học 2 buổi/ngày(Có KH và mức thu cụ thể khi PGD phê duyệt)	0
	Tổng cộng	2.853.228.000

(Bảng chữ: Hai tỉ tám trăm năm mươi ba triệu hai trăm hai mươi tám nghìn đồng ./.)

B. DƯ TOÁN CHI

1 Các khoản chi theo sự thỏa thuận giữa nhà trường với phụ huynh học sinh:

1.1 Tiền mua sắm dụng cụ, đồ dùng cá nhân cho học sinh ăn bán trú lần đầu

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Số tiền	Thành tiền
1	Chăn	Cái	40	250.000	10.000.000
2	Gối	Cái	134	25.000	3.350.000
3	Chiếu	Cái	50	135.000	6.750.000
	Tổng				20.100.000

1.2 Chi Tiền ăn bán trú: 2.049.300.000đ

Chi cho học sinh ăn hàng ngày theo đúng kế hoạch 23.000 đồng/ngày (Gồm 1 bữa chính)

1.3 Chi tiền chăm sóc, phục vụ bán trú (bao gồm GV trông trưa, quản lý)

- 80% cho giáo viên trực tiếp trông trưa, chăm sóc: 324.000.000 đồng

- 20% công tác quản lý, thuê tư vấn đầu thầu rộng rãi: 81.000.000 đồng

(Mức tiền công sẽ có sự thay đổi căn cứ theo số ngày, số trẻ thực tế ăn bán trú tại trường)

Thời gian chi trả: Từ ngày 15 đến ngày 20 của tháng sau

1.4 Tiền phụ phí bao gồm điện, nước phục vụ bán trú, nước rửa bát, nước lau sàn, giấy vệ sinh, giấy lau.

- Điện, nước sạch

+ Chi trả tiền điện, nước sinh hoạt theo thực tế phát sinh hàng tháng chi 5 tháng, 04 tháng chi bằng nguồn của nhà trường.

- Nước rửa tay, nước lau sàn, giấy vệ sinh, giấy lau :

+ Chi trả theo thực tế phát sinh

Mức chi trên không vượt quá số tiền theo nghị quyết 08/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của tỉnh Hải Dương.

1.5 Tiền vệ sinh trường, lớp, nhà vệ sinh.

(Bao gồm tiền lao công, dụng cụ vệ sinh, giấy vệ sinh, nước tẩy rửa, lau sàn)

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Số tiền	Thành tiền
1	Giấy vệ sinh	Bịch	150	35.000	5.250.000
2	Găng tay cao su	Đôi	80	14.000	1.120.000
3	Ủng cao su	Đôi	02	46.000	92.000
4	Khau hút nhựa	Cái	18	10.000	180.000



5	Bàn chải	Cái	16	8.000	128.000
6	Cây cọ nhà vệ sinh	Cái	17	10.000	170.000
7	Cây lau nhà	Cái	24	180.000	4.320.000
8	Rễ cau quét sân	Cái	5	40.000	200.000
9	Rễ dừa quét sân	Cái	6	50.000	300.000
10	Chổi cước	Cái	36	35.000	1.260.000
11	Chổi chít	Cái	36	35.000	1.260.000
12	Khăn lau bàn, lau tay	Cái	200	12.000	2.400.000
13	Nước rửa tay diệt khuẩn	Chai	25	40.000	1.000.000
14	Nước lau sàn nhà	Chai	250	35.000	8.750.000
15	Nước tẩy nhà vệ sinh Okay	Chai	200	35.000	7.000.000
16	Bột giặt (túi 800 gam)	Túi	17	40.000	680.000
17	Chi lao công quét dọn vệ sinh trong và ngoài khuôn viên trường học	Tháng	9	6.500.000	58.500.000
Tổng cộng					92.610.000

1.6. Tiền nước uống cho học sinh (Nước tinh khiết RO):

Chi trả theo hợp đồng với công ty cung cấp nước uống tinh khiết RO.

STT	NỘI DUNG	ĐVT	Số lượng	Đơn giá dự kiến/tháng	Số tháng/năm	Thành tiền
1	Nước tinh khiết RO	HS	686	7.000	9	43.218.000
	Tổng					43.218.000

1.7. Tiền phí trông giữ xe:

Thực hiện theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 27/3/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

Mức thu: 10.000 đồng/học sinh/tháng (HS tham gia đi xe đạp đến trường).

Chi 100% cho người trông xe

1.8. Tiền học 2 buổi/ngày:

Thực hiện theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh Hải Dương; Công văn số 538/SGDĐT-KHTC ngày 16/5/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương. Mức thu không quá 5000 đồng/học sinh/tiết (100% học sinh toàn trường thu sau khi được PGDĐT phê duyệt).

1.9. Tiền bảo hiểm thân thể:

Thực hiện công văn số 402/BVHD-PS2 ngày 01/8/2024 của Bảo Việt Hải Dương về triển khai bảo hiểm ngành giáo dục năm học 2024-2025;

Mức thu: 200.000đ/HS/năm (học sinh có nhu cầu).

Nộp 100% thu được về công ty Bảo Việt Hải Dương.

1.10. Tiền Bảo hiểm y tế:

Thực hiện Kế hoạch số 150/KH-UBND ngày 06/8/2024 của UBND thị xã Kinh Môn về triển khai thực hiện Bảo hiểm y tế học sinh năm học 2024-2025; Công văn số 528/BHXH-BHYTHS ngày 08/8/2024 của BHXH thị xã Kinh Môn hướng dẫn thực hiện BHYT học sinh năm học 2024-2025.

Mức thu: 73.710 đồng/học sinh/tháng (100% học sinh toàn trường).

Nộp 100% thu được về BHXH thị xã Kinh Môn.

Trên đây là dự kiến các khoản thu-chi (thu hộ-chi hộ) năm học 2024-2025 của trường Tiểu học Thái Thịnh./.

Nơi nhận

- PGDĐT (để báo cáo)
- UBND phường (để báo cáo)
- Lưu VT

NGƯỜI LẬP

Phan Thị Thu



Nguyễn Văn Quản

XÁC NHẬN UBND PHƯỜNG



CHỦ TỊCH
PHẠM BÁ TUYẾN

Số: 156/KH - THTT

Thái Thịnh, ngày 28 tháng 10 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện các khoản thu-chi năm học 2024 - 2025

Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 quy định mức thu học phí và danh mục phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các trường mầm non, giáo dục phổ thông và các cơ sở giáo dục đào tạo công lập khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

Căn cứ hướng dẫn số 1569/SGDDĐT-KHTC ngày 08/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương về việc thu học phí và các khoản dịch vụ trong nhà trường năm học 2023-2024; Công văn số 510/PGDDĐT ngày 12/9/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Kinh Môn về việc thực hiện các khoản thu, chi trong nhà trường năm học 2023-2024;

Căn cứ hướng dẫn số 538/SGDDĐT-KHTC ngày 16/5/2017 của Sở GDĐT Hải Dương về việc hướng dẫn thu, chi tiền học 2 buổi/ngày ở tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ ban đại diện cha mẹ học sinh.

Căn cứ vào số lớp, số học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường và tình hình thực tế của địa phương, trường Tiểu học Thái Thịnh xây dựng Kế hoạch thu - chi năm học 2024-2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Huy động sự đóng góp theo quy định và đóng góp tự nguyện nhằm phục vụ người học có được những điều kiện tốt nhất trong rèn luyện và học tập, góp phần cải thiện cảnh quan trường học, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường và địa phương.

Yêu cầu thu đủ chi và trên cơ sở tự nguyện của phụ huynh học sinh; phụ huynh học sinh phải được bàn bạc và thống nhất trước khi triển khai thu.

II. ĐỐI TƯỢNG ĐÓNG GÓP VÀ THỤ HƯỞNG

Đối tượng đóng góp là học sinh từ lớp 1 đến lớp 5 đang theo học tại trường trên tinh thần tự nguyện (đối với những khoản đóng góp tự nguyện).

Đối tượng thụ hưởng là tất cả học sinh của nhà trường từ lớp 1 đến lớp 5 của nhà trường.

III. NGUYÊN TẮC CHUNG

- Việc quản lý, sử dụng các khoản thu, chi trong nhà trường phải được thực hiện đúng quy định của nhà nước, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cơ quan quản lý có thẩm quyền.

- Tất cả các khoản thu, chi trong nhà trường đều phải được thực hiện đúng quy trình và công khai theo quy định; phải được phản ánh trong chứng từ kế toán, sổ kế toán, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý sử dụng tài sản của đơn vị và báo cáo quyết toán tài chính theo hướng dẫn hiện hành, được quyết toán công khai với phụ huynh học sinh vào mỗi học kỳ. Nghiêm cấm các lớp tự đặt ra các khoản thu không có trong quy định hoặc lập quỹ dưới hình thức tự nguyện để ép buộc phụ huynh đóng góp.

- Các khoản thu theo thỏa thuận phải được lập dự toán thu, chi rõ ràng, chi tiết, đảm bảo thu đủ bù chi; không mang tính chất kinh doanh; đúng mục đích, không điều chuyển hoặc chi cho nội dung, mục đích khác. Trước khi triển khai phải có văn bản thỏa thuận thống nhất giữa nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh trên tinh thần tự nguyện, đồng thuận của phụ huynh các lớp và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động trong nhà trường. Các khoản vận động tài trợ phải đảm bảo đúng theo tinh thần tự nguyện, không “cào bằng”.

- Các khoản thu có định mức tính theo tiết học (học 2 buổi/ngày, học thêm Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Kỹ năng sống, Câu lạc bộ, ...) hàng tháng phải thu theo số tiết học thực tế của học sinh.

- Nhà trường khuyến khích thực hiện phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để thu các khoản thu trong năm học. Tất cả các khoản thu bằng tiền mặt phải nộp kịp thời vào tài khoản tiền gửi của đơn vị tại Kho bạc Nhà nước hoặc Ngân hàng. Các khoản thanh toán cho cá nhân hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ, hàng hóa phải thanh toán thông qua tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước hoặc Ngân hàng, hạn chế việc tồn quỹ tiền mặt tại đơn vị.

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, minh bạch trong quá trình tổ chức thu, chi theo quy định tại Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; các quy định khác của pháp luật hiện hành và các văn bản quy định khác của ngành tài chính.

IV. KẾ HOẠCH THU, CHI

1. Đặc điểm nhà trường năm học 2024-2025

1.1. Học sinh:

Khối lớp	Lớp			Học sinh								Ghi chú
	Tổng số	Bán trú	2 buổi	Tổng số	Nữ	Bán trú	KT Hòa nhập	HS Tăng Động	HS Nghèo	HS Cận nghèo	HS KK	
Một	4	4	4	133	54	125	0		01	03	0	
Hai	4	4	4	137	54	99	0		02	01	0	
Ba	4	4	4	122	56	81	0		0	02	01	
Bốn	5	4	5	154	73	86	1		0	04	01	1N+KT
Năm	4	3	4	140	69	40	3		01	03	01	
Cộng	21	19	21	686	306	431	04		04	13	03	

1.2. CBQL-GV-Nhân viên:**1.2.1. Cán bộ quản lý:**

Chức danh	Số lượng	Trình độ đào tạo			Trình độ chính trị				
		Thạc sĩ	ĐH QL GD	ĐHSP	Cao cấp	Cử nhân	Trung cấp	Sơ cấp	Đảng viên
Hiệu trưởng	01	01	01	01			1		1
Phó hiệu trưởng	01			01			1		1

1.2.2. Giáo viên: Hệ số GV/lớp: 29/21, tỉ lệ 1,38

Chức danh	Số Lượng	Trình độ SP			Trình độ chính trị			Đoàn thể		
		ĐH	CD	TrH	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Đảng	Đoàn	CD
GV văn hóa	23	21	02					17	9	23
GV Âm nhạc	01	01						01		01
GV Mỹ Thuật	01	01						01		01
GV Thể dục	02	02						02		02
GV Tiếng Anh	02	02						0	1	02
GV Tin học										
Tổng	29	27	02					21	10	29

1.2.3. Nhân viên

Chức danh	Số lượng	Trình độ đào tạo			Đoàn thể		
		ĐH	CD	TrH	CDV	Đoàn	Đảng
Tổng PTĐội							
Kế toán	1	1			1		1
TV-TB	1	1			1		1
Y tế - VT	1			1	1		1
Bảo vệ	1				1		
Tổng	4			1	4		03

1.3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện đại:

- Tổng số điểm trường: 01; Tổng số lớp: 21
- Thống kê số phòng học và phòng chức năng.

Tên phòng	Số lượng	Diện tích (m ²)	Tên phòng	Số lượng	Diện tích (m ²)
1. Khối phòng hành chính quản trị			2. Khối phòng học tập		
Phòng Hiệu trưởng	01	30	Phòng học VH	21	54
Phòng Phó HT	01	16	Phòng Âm nhạc	01	75
Văn họp	01	54	Phòng Mỹ thuật+ Đa chức năng	01	75
Phòng Bảo vệ	01	15	Phòng Tin học; KHCN	01	48

Vệ sinh GV	02	13	Phòng học TA	01	54
Khu dè xe GV	02	80			
Phòng tổ chức Đảng, đoàn thể+ Văn phòng	01	16			
3. Khối phòng hỗ trợ học tập			4. Khối phụ trợ		
Thư viện	01	120	Phòng họp	01	48
Phòng Thiết bị	01	36	Phòng Y tế	01	16
Tư vấn học đường, hỗ trợ HS KT + Y tế	01	16	Nhà kho	01	16
Phòng Đoàn đội	01	24	Phòng nghỉ GV+ Phòng GV	02	16
Phòng truyền thống	01	54	Khu nhà xe cho HS	01	150
5. Khu sân chơi TDTT			6. Khối phục vụ sinh hoạt		
Sân trường	01	2279	Nhà bếp	01	97,5
Sân cỏ nhân tạo	01	875	Kho bếp	01	18
Sân để bể bơi	01	337,5	Khu nhà bán trú	0	0
Vườn trường	01	256,5	Phòng quản lý học sinh	0	0
			Phòng sinh hoạt chung	0	0

*** Trang thiết bị dạy học:**

- + Phòng Tiếng Anh: 01 bảng tương tác; 01 máy chiếu, 16 máy tính.
- + Phòng Tin học: 01 máy chiếu đa năng; 16 máy tính kết nối mạng Internet.
- + Phòng Âm nhạc: 15 chiếc đàn, 01 ti vi
- + Phòng Mỹ thuật: 20 giá vẽ, 01 máy chiếu đa năng;
- + Bộ đồ dùng dạy học: 4 bộ/21 lớp. (Chưa có bộ đồ dùng khối 2,3,4,5)

Nhà trường cơ bản có đủ điều kiện về CSVCS phục vụ công tác dạy và học.

2. Nội dung các khoản thu:

ST T	Tên khoản thu	Văn bản áp dụng	Dự kiến mức thu	Kế hoạch chi	Đối tượng thu
I. Các khoản thu theo quy định					
1.	Tiền Bảo hiểm y tế	Theo công văn số 528/BHXH- BHYTHS ngày 08/8/2024 của BHXH thị xã Kinh Môn	Mức đóng BHXH-4,5% x 2 340 000 đồng (tiền lương cơ sở) x số tháng tham gia x 70% (NSNN đã hỗ trợ 30%). Lớp 1 thu theo thời điểm sinh; Lớp 2 đến lớp 5 thu 12 tháng (73710 đồng/HS/tháng).	- Nộp 100% số tiền thu được cho cơ quan BHXH thị xã Kinh Môn để cấp thẻ BHYT cho học sinh.	HS toàn trường (Trừ những HS đã có thẻ BHYT theo các nhóm đối tượng khác

II. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục					
1	Tiền bảo hiểm thân thể	Hướng dẫn số 402/BVHD-PS2 ngày 01/8/2024 của Bảo Việt Hải Dương	200.000đ/HS/năm	Thu nộp 100% số tiền thu được cho Công ty Bảo Việt Hải Dương.	HS có nhu cầu
2	Tiền phí trông giữ xe	NQ số 08/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh Hải Dương; Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 27/3/2018 của UBND tỉnh Hải Dương	- Xe đạp 10.000đ/HS/tháng	- Nộp 4% thuế trên tổng số tiền thu được (trong đó 2% thuế giá trị gia tăng và 2% thuế thu nhập doanh nghiệp). Số tiền thu còn lại để chi cho các nội dung sau: + 80% Chi trả tiền công cho người trông giữ xe. + 15% Chi cho công tác quản lý. + 5% CSVC chi sửa chữa nhà để xe học sinh...	Học sinh đi xe đến trường
3	Tiền học 2 buổi/ngày	NQ số 08/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh Hải Dương; Công văn số 538/SGDĐT-KHTC ngày 16/5/2017 của Sở GDĐT Hải Dương	5000 đồng/HS/tiết	+ 80% Chi cho giáo viên trực tiếp dạy buổi 2/ ngày. + 15% Chi cho công tác quản lý học buổi 2/ ngày + 5% Chi trả tiền điện, nước, mua văn phòng phẩm, tăng cường CSVC	HS toàn trường (Thu sau khi được PGDĐT phê duyệt)



4	Bán trú	NQ số 08/2022/NQ- HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh Hải Dương;	1. Tiền ăn : 23 000 đồng/HS/ngày (01 bữa chính) 2. Tiền phụ phí (điện, nước phục vụ bán trú, nước tẩy, rửa: 20 000 đồng/HS/ tháng) 3. Chăm sóc phục vụ bán trú (trả công chăm sóc, trông trưa, quản lý, phí đầu thầu): 100 000 đồng/HS/ tháng.	1. Tiền ăn : 100% chi trả cho đơn vị cung Suất ăn. 2. Tiền phụ phí: điện, nước phục vụ bán trú, nước tẩy, rửa... (Chi theo thực tế sử dụng) 3. Chăm sóc phục vụ bán trú (trả người trông trưa, quản lý) <i>Trong đó:</i> + Tiền GV trông trưa, chăm sóc: 80 % + Quản lý, phí đầu thầu: 20% (Theo số bán trú)	HS có nhu cầu
5	Nước uống	NQ số 08/2022/NQ- HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh Hải Dương;	7 000 đồng/HS/tháng	Thu nộp 100% cho đơn vị cung cấp nước sạch	HS toàn trường
6	Vệ sinh trường, lớp, nhà vệ sinh (bao gồm tiền lao công, dụng cụ vệ sinh, giấy vệ sinh, nước tẩy rửa, lau sàn)	NQ số 08/2022/NQ- HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh Hải Dương; và thỏa thuận với phụ huynh học sinh tại Hội nghị phụ huynh học sinh đầu năm học (họp ngày .../.../2024)	15.000đ/HS/tháng	+ Chi trả tiền công thuê dọn vệ sinh trong và ngoài sân, vườn trường, công chuyên rác vệ sinh nhà vệ sinh (60%) + Chi mua nước tẩy rửa, xà phòng rửa tay, dụng cụ vệ sinh, giấy vệ sinh phục vụ công tác vệ sinh + Chi các công việc khác liên quan đến nhà vệ sinh học sinh.	HS toàn trường

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Quy trình thực hiện kế hoạch thu như sau:

Bước 1. Họp Ban chỉ ủy + Ban giám hiệu, họp Hội đồng nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh tất cả các lớp thống nhất chủ trương, kế hoạch triển khai; lập Biên bản cuộc họp.

Bước 2. Lập kế hoạch thu, chi nêu rõ mục đích, đối tượng hưởng lợi, hình thức huy động, mức thu, cách thức tổ chức thực hiện, chất lượng sản phẩm... và dự

trù kinh phí để thực hiện các công việc bao gồm dự kiến nguồn huy động, nội dung chi, định mức chi... Lưu ý về trình tự thực hiện:

- Trên cơ sở nhu cầu thực tế và định mức quy định, nhà trường đưa ra mức thu dự kiến từng khoản;

- Tổ chức họp cha mẹ học sinh theo lớp; lấy ý kiến về mức thu dự kiến; mức thu cụ thể phải được hầu hết (trên 90%) cha mẹ học sinh của lớp thỏa thuận, đồng ý.

- Trên cơ sở ý kiến của cha mẹ học sinh các lớp (trên 90% cha mẹ học sinh toàn trường đồng ý), hiệu trưởng tổng hợp, họp lãnh đạo chủ chốt (BGH, bí thư chi bộ, Chủ tịch Công Đoàn, Bí thư Đoàn thanh niên, Tổng phụ trách Đội) xem xét và quyết định mức thu chung toàn trường. Nên xem xét miễn, giảm phù hợp cho học sinh diện chính sách, con hộ nghèo, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn...

Niêm yết công khai kế hoạch thu, chi tại phòng họp hội đồng sư phạm và bảng tin nhà trường tối thiểu 7 ngày để tiếp thu ý kiến, hoàn chỉnh (có biên bản niêm yết và biên bản kết thúc niêm yết).

Bước 3. Sau khi tiếp thu ý kiến, cần xem xét điều chỉnh các nội dung của kế hoạch (nhất là về mức thu) theo đa số ý kiến đã góp ý; hiệu trưởng lập Tờ trình (kèm theo kế hoạch thu, chi) gửi UBND phường để xin ý kiến phê duyệt và chỉ được tiến hành thực hiện khi có sự đồng ý của UBND phường.

Bước 4. Khi hoàn thành công việc, các trường phải quyết toán công khai số kinh phí đã huy động và kết quả thực hiện với các tổ chức, cá nhân đã đóng góp kinh phí.

Trên đây là kế hoạch và dự toán thu - chi các khoản thu từ nguồn thu học sinh năm học: 2024 -2025 để phục vụ cho các hoạt động dạy và học của nhà trường nhằm duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục, đổi mới căn bản và toàn diện sự nghiệp giáo dục đào tạo của nhà trường. Yêu cầu tất cả các bộ phận kế toán, thủ quỹ, giáo viên, học sinh liên quan đến việc thu và nộp thực hiện nghiêm túc kế hoạch thu chi này của nhà trường./.

**PHÊ DUYỆT
CỦA UBND PHƯỜNG THÁI THỊNH**



**CHỦ TỊCH
PHẠM BÁ TUYẾN**

T/M BGH NHÀ TRƯỜNG



**HIỆU TRƯỞNG
NGUYỄN VĂN QUẢN**

BIÊN BẢN

V/v niêm yết công khai kế hoạch thu góp theo văn bản,
thỏa thuận, tự nguyện của nhà trường
Năm học 2024 - 2025

I. Thời gian: Vào hồi 16 giờ 20 phút ngày 28 tháng 10 năm 2024

II. Địa điểm: Tại Trường Tiểu học Thái Thịnh

III. Thành phần:

* **Đại diện nhà trường:**

- | | |
|-------------------------|----------------------|
| 1. Ông: Nguyễn Văn Quán | - Hiệu trưởng |
| 2. Bà: Phạm Thị Toan | - Phó hiệu trưởng |
| 3. Bà: Đinh Thị Dung | - Thư ký HĐ |
| 4. Bà: Phan Thị Dung | - Chủ tịch Công đoàn |
| 5. Bà: Nguyễn Thị Ngừng | - Thanh tra ND |
| 6. Bà: Phan Thị Thu | - Kế toán |

* **Đại diện CMHS chứng kiến:**

- | | |
|------------------------|----------------------------|
| 1. Ông: Lưu Duy Phiên | - Trưởng ban đại diện CMHS |
| 2. Ông: Trần Văn Kiên | - Phó trưởng ban ĐD CMHS |
| 3. Bà: Trương Thị Xuân | - Ủy viên |

IV. Nội dung:

Nhà trường tiến hành lập biên bản về việc niêm yết công khai: Kế hoạch số 156 ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc thu góp theo văn bản, thỏa thuận, tự nguyện của nhà trường năm học 2024 - 2025.

Thời gian niêm yết công khai: Từ ngày 28 tháng 10 năm 2023 đến hết ngày 05 tháng 11 năm 2024.

Biên bản được lập thành 3 bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN CMHS

Lưu Duy Phiên

TM. NHÀ TRƯỜNG



**HIỆU TRƯỞNG
NGUYỄN VĂN QUẢN**

THÔNG BÁO

V/v công khai các khoản thu năm học 2024-2025

Căn cứ Nghị quyết số: 08/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 quy định mức thu học phí và danh mục phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các trường mầm non, giáo dục phổ thông và các cơ sở giáo dục đào tạo công lập khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

Căn cứ Hướng dẫn số 538/SGDĐT-KHTC về việc hướng dẫn thu, chi tiền học 2 buổi/ngày ở tiểu học;

Căn cứ Quyết định 04/2018/QĐ-UBND ngày 27/3/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

Căn cứ Kế hoạch số 150/KH-UBND ngày 06/8/2024 của UBND thị xã Kinh Môn v/v hướng dẫn thực hiện thu BHYT học sinh năm học 2024-2025; Công văn số 402/BVHD ngày 01/8/2024 v/v Hướng dẫn Bảo hiểm GV-HS của Công ty Bảo Việt Hải Dương;

Căn cứ Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ ban đại diện cha mẹ học sinh;

Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường và nội dung triển khai với phụ huynh học sinh trong buổi họp phụ huynh học sinh đầu năm học 2024-2025.

Trường Tiểu học Thái Thịnh thông báo các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí năm học 2024-2025 như sau:

I. Các khoản thu chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2024-2025

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thu	
			Mức thu	Định kỳ thu
1	Bán trú:			
	+ Tiền ăn theo suất ăn	đồng/HS/tháng	23 000 đồng	Thu theo tháng (thu theo ngày thực ăn của học sinh)
	+ Phụ phí (điện, nước, nước tẩy rửa, ...)	đồng/HS/tháng	20 000 đồng	Thu theo tháng
	+ Chăm sóc, phục vụ bán trú	đồng/HS/tháng	100 000 đồng	Thu theo tháng
	+ Tiền mua sắm đồ dùng cá nhân HS (HS lần đầu tham gia)	đồng/HS/năm	150 000 đồng	Thu theo năm
2	Dạy 2 buổi/ ngày	đồng/HS/tiết	5 000 đồng	Thu theo kỳ

3	Nước uống	đồng/HS/tháng	7 000 đồng	Thu theo kỳ
4	Vệ sinh trường, nhà vệ sinh	đồng/HS/tháng	15 000 đồng	Thu theo kỳ
5	Tiền phí trông giữ xe đạp của HS (Đối với học sinh đi xe đạp)	đồng/HS/tháng	10 000 đồng	Thu theo kỳ

II. Khoản thu Bảo hiểm y tế (Nhà nước hỗ trợ 30%; Học sinh đóng góp 70%)

* Mức thu:

Thực hiện Kế hoạch số 150/KH-UBND ngày 06/8/2024 của UBND thị xã Kinh Môn về triển khai thực hiện Bảo hiểm y tế học sinh năm học 2024-2025; Công văn số 528/BHXH-BHYT/HS ngày 08/8/2024 của BHXH thị xã Kinh Môn hướng dẫn thực hiện BHYT học sinh năm học 2024-2025.

Mức thu: 73.710 đồng/học sinh/tháng (100% học sinh toàn trường).

* Thời gian thu của lớp 1: Tháng 9/2024

* Thời gian thu của lớp 2 đến lớp 5: Tháng 11/2024

III. Khoản thu hộ Bảo hiểm thân thể (tự nguyện):

Thực hiện công văn số 402/BVHD-PS2 ngày 01/8/2024 của Bảo Việt Hải Dương về triển khai bảo hiểm ngành giáo dục năm học 2024-2025;

Mức thu: 200.000đ/HS/năm (học sinh có nhu cầu).

- Thời gian thu: Tháng 9/2024.

Trên đây là nội dung các khoản thu và định mức thu trong năm học 2024-2025. Trường Tiểu học Thái Thịnh xin thông báo công khai trên hệ thống đài truyền thanh địa phương tới toàn thể cán bộ và nhân dân nội dung các khoản thu và định mức thu trong năm học 2024-2025.

Nhà trường xin trân trọng thông báo!

XÁC NHẬN CỦA UBND



CHỦ TỊCH
PHẠM BÁ TUYẾN



Nguyễn Văn Quân